

Số 05/BC-THCSHV

Công Hải, ngày 24 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018-2022

Thực hiện công văn 13/KH-ĐGS ngày 30/12/2022 của Đoàn Giám Sát – Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch Giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018-2022;

Trường THCS Hùng Vương xin được báo cáo kết quả triển khai thực hiện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Trường THCS Hùng Vương được thành lập vào năm 2005, sau khi thành lập trường đã được đầu tư cơ sở vật chất. Trường có 11 phòng học, 7 phòng chức năng, 2 phòng bộ môn. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng các yêu cầu học tập và hoạt động giáo dục khác.

- Tổng số cán bộ giáo viên nhân viên là 26 trong đó có 1 CBQL, 21 GV, 4 NV (còn thiếu 1 CBQL).

- Đội ngũ giáo viên trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm trong giảng dạy, nhiệt tình, luôn đi đầu trong mọi lĩnh vực, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khiêm tốn, học hỏi để nâng cao trình độ về mọi mặt.

- Đa số các em học sinh ngoan, hiền, lễ phép, chuyên cần, cố gắng nỗ lực vươn lên trong học tập. Tích cực tham gia các cuộc thi, kỳ thi, hội thi các cấp và các hoạt động phong trào. Với hơn 70% học sinh là người dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế có nhiều khó khăn, sự quan tâm của phụ huynh đối với việc học của con em còn nhiều hạn chế, tư tưởng trông chờ ỷ lại vào chế độ nhà nước ăn sâu vào suy nghĩ của người dân. Một số phụ huynh học sinh ít quan tâm đến việc học tập của con em còn giao khoán cho nhà trường và xã hội.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Việc ban hành các văn bản

- Triển khai Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi

phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo từ năm học 2022-2023.

- Triển khai thu học phí theo quy định, thông báo cho phụ huynh học sinh.

- Rà soát, lập danh sách học sinh thuộc đối tượng chính sách và thực hiện hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc đối tượng chính sách đề nghị lên cấp trên.

- Khi có kinh phí cấp về thì làm thủ tục cho phụ huynh nhận.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản cho tất cả cán bộ viên chức trong các cuộc họp hội đồng sư phạm, cuộc họp đột xuất.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản cho tất cả học sinh trong các buổi chào cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động trải nghiệm.

- Tổ chức cuộc họp phụ huynh học sinh để phổ biến các văn bản.

- Phối hợp với địa phương để tuyên truyền trong nhân dân, phụ huynh.

3. Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục; công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua- khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục

- Hàng năm, trường tiến hành xây dựng các kế hoạch hoạt động giáo dục, kế hoạch kiểm tra nội bộ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc,.... gửi cho các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các giáo viên, nhân viên góp ý. Hoàn chỉnh các kế hoạch hoạt động giáo dục, kế hoạch kiểm tra nội bộ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy chế thi đua.... và triển khai thực hiện.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tháng, tuần để cụ thể hoá các nhiệm vụ hoạt động dạy học.

- Tổ chức đánh giá công tác hàng tháng, cuối học kỳ, cuối năm học những việc đã làm được, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân; đánh giá thi đua hàng tháng, hàng quý; tuyên dương, khen thưởng và xử lý các vi phạm (nếu có). Từ đó rút kinh nghiệm, điều chỉnh trong thời gian kế tiếp.

4. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục của tỉnh, địa phương giai đoạn 2018-2022. Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp giáo dục phổ thông.

a. Thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục

- Năm học 2018-2019: Thực hiện 11 lớp với 329 học sinh.

- Năm học 2019 -2020: Thực hiện 11 lớp với 334 học sinh.

- Năm học 2020-2021: Thực hiện 11 lớp với 355 học sinh.

- Năm học 2021-2022: Thực hiện 11 lớp với 359 học sinh.

b. Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp giáo dục phổ thông

- Hàng năm, nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục cho năm học kế tiếp.

- Vào cuối năm học, nhà trường tiến hành rà soát về đội ngũ cán bộ viên chức, về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Đề xuất với cấp trên xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất; cấp thiết bị dạy học còn thiếu.

5. Công tác xã hội hoá giáo dục

- Tham mưu, đề xuất với các cấp xây dựng bổ sung các phòng học bộ môn còn thiếu, sửa chữa cơ sở vật chất đã hư hỏng, cấp các thiết bị dạy học còn thiếu.

- Vận động các cá nhân, tổ chức, nhà hảo tâm hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn; vận động xã hội hoá trong phụ huynh học sinh để hỗ trợ cho học sinh tham gia các hoạt động, làm nhà để xe cho học sinh.

- Kết quả:

+ Huy động trong phụ huynh học sinh quỹ xã hội hoá làm nhà để xe cho học sinh với số tiền là 6.758.000 đồng.

+ Vận động được 18 bộ quần áo cho đội bóng chuyên nữ; 90 suất quà, mỗi suất 168 nghìn đồng để tặng quà tết cho 90 học sinh có hoàn cảnh khó khăn; cựu học sinh Công Hải tặng 6 triệu đồng cho 30 học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập. Dự án BECAUSE tặng 38 suất quà, mỗi suất trị giá 200 nghìn đồng để tặng quà tết cho 38 học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình huy động:

+ Thuận lợi: Địa phương, đa số phụ huynh đồng tình, ủng hộ; cán bộ, giáo viên, nhân viên tích cực đi vận động.

+ Khó khăn: Một số gia đình học sinh còn nhiều khó khăn về kinh tế.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Mạng lưới trường, lớp, học sinh

Số điểm trường, lớp học, học sinh:

- Năm học 2018-2019: có 1 điểm trường, thực hiện 11 lớp với 329 học sinh.

- Năm học 2019-2020: có 1 điểm trường, thực hiện 11 lớp với 334 học sinh.

- Năm học 2020-2021: có 1 điểm trường, thực hiện 11 lớp với 355 học sinh.

- Năm học 2021-2022: có 1 điểm trường, thực hiện 11 lớp với 359 học sinh.

2. Công tác tuyển sinh đầu cấp; tình hình học sinh bỏ học; kết quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở

a. Công tác tuyển sinh đầu cấp trung học cơ sở

Thực hiện tuyển sinh đầu cấp theo các văn bản hướng dẫn, đảm bảo quy trình, chỉ tiêu huyện giao với kết quả như sau:

- Năm học 2018 - 2019: 142/142, tỉ lệ 100%.
- Năm học 2019 - 2020: 143/143, tỉ lệ 100%.
- Năm học 2020 - 2021: 174/174, tỉ lệ 100%.
- Năm học 2021 - 2022: 164/164, tỉ lệ 100%.

b. Tình hình học sinh bỏ học

Tỉ lệ học sinh bỏ học hàng năm còn khá cao (từ 8% đến 10%).

c. Kết quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở

Nhà trường tổ chức tư vấn cho phụ huynh học sinh đăng ký tuyển sinh vào lớp 10, tổ chức ôn tập cho các em thi vào lớp 10; phối hợp với trường Cao Đẳng nghề Ninh Thuận tư vấn nghề nghiệp cho phụ huynh, học sinh với kết quả như sau:

- Năm học 2018 – 2019: Tốt nghiệp THCS là 62 học sinh, tuyển sinh vào lớp 10 THPT là 39 học sinh (62,9%), học nghề và không đăng ký tuyển sinh 10THPT là 23 học sinh.

- Năm học 2019 - 2020: Tốt nghiệp THCS là 54 học sinh, tuyển sinh vào lớp 10 THPT là 45 học sinh (83,3%), học nghề và không đăng ký tuyển sinh 10THPT là 9 học sinh.

- Năm học 2020 - 2021: Tốt nghiệp THCS là 51 học sinh, tuyển sinh vào lớp 10 THPT là 39 học sinh (76,5%), học nghề và không đăng ký tuyển sinh 10THPT là 12 học sinh.

- Năm học 2021 -2022: Tốt nghiệp THCS là 68 học sinh, tuyển sinh vào lớp 10 THPT là 52 học sinh (76,5%), học nghề và không đăng ký tuyển sinh 10THPT là 16 học sinh.

3. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Theo định mức quy định, trường bị thu hồi 2 biên chế (1 giáo viên, 1 nhân viên).

- Tổng số biên chế giao: 27 người; trong đó

+ Cán bộ quản lý: 02 người

+ Giáo viên: 21 người

+ Nhân viên: 04 người

- Tổng số biên chế có mặt hiện tại là 26 người; trong đó
- + Cán bộ quản lý: 01 người (Đại học: 01)
- + Giáo viên: 21 người (Đại học: 19, Cao đẳng: 02)
- + Nhân viên: 04 người (Đại học: 02, trung cấp: 02)
- Tỷ lệ đạt chuẩn theo Luật giáo dục 2019 là 90,9% (20/22). Hiện tại có 2 giáo viên đang học đại học; Các giáo viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do ngành giáo dục tổ chức.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Trường có 11 phòng học, 02 phòng học bộ môn; 7 phòng chức năng gồm: 01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Phó Hiệu trưởng, 01 phòng văn thư - kế toán, 01 phòng y tế, 01 phòng hội đồng, 01 phòng thư viện, 01 phòng Đội. Khu sân chơi, thể dục thể thao cơ bản đáp ứng dạy học. Thiết bị dạy học cơ bản đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

- Tuy nhiên còn thiếu phòng học bộ môn Nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ thiếu có sân chơi bãi tập môn bóng đá, bóng chuyền; Cổng trường, tường rào phía tây đã bị hư hỏng, xuống cấp. Tường các phòng học bị hư hỏng, sơn bị nhạt màu rong rêu bám trên tường làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trang trí phòng học, lớp học thân thiện; còn thiếu một số thiết bị dạy học như đàn organ ở môn Nhạc, nệm nhảy cao ở môn Thể dục.

5. Kết quả xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo kế hoạch

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá, thành lập hội đồng tự đánh giá, tổ chức thực hiện, báo cáo tự đánh giá. Kết quả như sau:

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2, Mức 3:

- Không đạt: 5/28 tiêu chí chiếm 17,9%.
- Đạt Mức 1: (23/28) tiêu chí chiếm 82,1%.
- Đạt Mức 2: (19/28) tiêu chí chiếm 67,9%.
- Đạt Mức 3: (7/28) tiêu chí chiếm 25,0%.

+ Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4.

- Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100%.
- Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0%.

- Về kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia:

Đã tiến hành rà soát các tiêu chuẩn đánh giá trường chuẩn quốc gia theo thông tư 18 của Bộ giáo dục đào tạo, trong số các tiêu chuẩn trường còn có 2 tiêu chuẩn chưa đạt đó là sĩ số và cơ sở vật chất từ đó trường đã xây dựng lộ

trình khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt, phấn đấu trường chuẩn quốc gia vào năm 2027.

6. Việc triển khai lựa chọn sách giáo khoa giáo dục các lớp 6, 7 theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo tại các cơ sở giáo dục; việc trang bị sách giáo khoa, tài liệu, học liệu.

- Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đối với lớp 6, 7.

- Sau các đợt hội thảo, tập huấn SGK, Nhà trường tổ chức họp hội đồng sư phạm để lựa chọn SGK lớp 6,7 một cách dân chủ, công khai và báo cáo về phòng GD; thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo tại các cơ sở giáo dục.

- Việc chuẩn bị các điều kiện bảo đảm cho việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018:

Phòng học, phòng bộ môn cơ bản đáp ứng dạy học. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đã tham gia công tác bồi dưỡng, tập huấn do Sở GD tổ chức. Tiếp nhận sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương, đồ dùng, thiết bị dạy học và cho giáo viên, học sinh mượn để sử dụng. Tuy nhiên còn thiếu phòng học bộ môn Nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ.

7. Chất lượng, hiệu quả thực hiện các chương trình giáo dục

- Thực hiện chương trình giáo dục đảm bảo theo quy định. Tổ chức hoạt động học cho học sinh, học sinh tự lực, chủ động trong học tập; học sinh nghiên cứu, tìm hiểu thông tin, giáo viên là người hỗ trợ, hướng dẫn; Dạy học các nội dung trọng tâm, cốt lõi phù hợp với địa phương, đối tượng học sinh.

- Thực hiện hoạt động trải nghiệm theo từng tháng gắn với chủ đề của từng tháng và học sinh đã có những sản phẩm của chính các em điều đó góp phần phát triển năng lực học sinh. Chất lượng học sinh học Chương trình hiện hành và Chương trình mới lớp 6, 7 từng bước được nâng lên.

8. Công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục

- Thành lập các Tổ công nghệ thông tin trong nhà trường; phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách phần mềm quản lý, hỗ trợ cho giáo viên.

- Tiếp nhận, sử dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, quản lý gồm Phần mềm Misa kế toán; Phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; Phần mềm Elibot (PCGD); Phần mềm soạn giảng trí Việt; Phần mềm

kiểm định chất lượng; Phần mềm quản lý giáo dục; Phần mềm office 365; Phần mềm trộn đề kiểm tra; Phần mềm tuyển sinh 10.

- Nhà trường được trang bị các phần mềm giúp cho công tác quản lý và dạy học được dễ dàng và thuận lợi hơn.

9. Công tác triển khai và kết quả thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, học sinh

- Triển khai Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo từ năm học 2022-2023.

- Thực hiện chế độ chính sách cho giáo viên kịp thời, theo đúng quy định.
- Thực hiện chế độ chính sách cho học sinh kịp thời, theo đúng quy định. Kết quả thực hiện hỗ trợ chi trả cho học sinh như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
		Số HS được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ	Số HS được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ	Số HS được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ
1	Chi phí học tập	179	48.800.000	139	56.280.000	94	37.280.000
2	Cấp bù học phí	303	23.895.200	328	18.219.600	225	15.384.800
Tổng cộng		482	72.695.200	467	74.499.600	319	52.664.800

Stt	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022	
		Số HS được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ	Số HS được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ
1	Chi phí học tập	34	14.400.000	203	118.200.000
2	Cấp bù học phí	215	8.866.000	287	53.335.000
Tổng cộng		249	23.266.000	490	171.535.000

10. Công tác kiểm tra, thanh tra, số vụ vi phạm việc chấp hành pháp luật về giáo dục; xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định pháp luật

- Thực hiện kế hoạch tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Kết hợp việc thanh tra, kiểm tra, đánh giá hoạt động chuyên môn với công tác quản lý sử dụng tài chính, cơ sở vật chất, công tác cán bộ, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân.
- Ban thanh tra của nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động giáo dục.

11. Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục – xoá mù chữ

- Thực hiện khá tốt PCGD THCS theo Nghị định số 20/2014/NĐ/CP ngày 24/3/2014 của chính phủ về PCGD-XMC và thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT quy định về điều kiện đảm bảo nội dung, quy trình thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC. Thực hiện mở lớp phổ cập, công tác điều tra và nhập dữ liệu trên hệ thống phần mềm PCGD, lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định.

- Kết quả duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS hàng năm là 72%.

12. Kết quả hoạt động của trung tâm Học tập cộng đồng, Trung tâm văn hoá thể thao- Học tập cộng đồng

- Thành lập ban chỉ đạo của trung tâm Học tập cộng đồng, xây dựng quy chế hoạt động, xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện, tập huấn kỹ năng nghề nghiệp cho nhân dân, mở các lớp dạy nghề. Tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao.

- Cuối năm, tổ chức đánh giá, xếp loại trung tâm Học tập cộng đồng. Báo cáo kết quả thực hiện cho cấp huyện.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Chất lượng giáo dục được duy trì ổn định, ngày càng nâng lên; phong trào tham gia các cuộc thi, hội thi của giáo viên và học sinh đạt được nhiều thành tích, thực hiện chế độ chính sách theo đúng quy định, cụ thể như sau:

*** Năm học 2018- 2019**

- Có 6 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 2 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.
- Duy trì sĩ số 94 %; lên lớp thẳng 91,2 %; tốt nghiệp THCS: 100%; có 04 học sinh được công nhận học sinh giỏi văn hóa cấp huyện.

*** Năm học 2019 – 2020**

- Giáo viên giỏi cấp trường: 18/22, tỉ lệ 81,8 %
- Duy trì sĩ số 90 %; lên lớp thẳng 87,1 %; tốt nghiệp THCS: 100%; có 04 học sinh được công nhận học sinh giỏi văn hóa cấp huyện, trong đó có 01 học sinh đạt giải ba môn toán, 02 giải khuyến khích môn Ngữ văn; trường đạt giải

nhất toàn đoàn Hội thi phòng chống tội phạm ma túy. Trường được UBND huyện khen thưởng tập thể lao động tiên tiến năm học 2019 - 2020.

*** Năm học 2020 – 2021:**

- Giáo viên giỏi cấp trường: 20/21 đạt tỉ lệ 95,2 %
 - Duy trì sĩ số 88,1 %; lên lớp thẳng 94,4% ; tốt nghiệp THCS 100%; có 03 học sinh được công nhận học sinh giỏi văn hóa cấp Huyện, trong đó có 01 học sinh đạt giải khuyến khích học sinh giỏi cấp Huyện môn Ngữ Văn; 1 học sinh đạt giải nhì môn Ngữ Văn cấp tỉnh. Trường đạt 2 giải nhất, 4 giải nhì, 3 giải ba tại Hội khỏe phù động cấp huyện, 1 giải ba tại Hội khỏe phù động cấp tỉnh. Trường được UBND huyện khen thưởng tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và lao động tiên tiến năm học 2020-2021.

*** Năm học 2021 – 2022:**

- Giáo viên giỏi cấp trường: 20/25, tỉ lệ 80 %; có 1 giải ba cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử cấp tỉnh, 4 giải cấp tỉnh cuộc thi “Lịch sử - Quê hương – Con người Ninh Thuận”.

- Duy trì sĩ số đạt 90 %; lên lớp thẳng 94,7%; tốt nghiệp THCS: 100%; có 1 giải tư cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh; có 02 học sinh được công nhận học sinh giỏi văn hóa cấp Huyện, trong đó có 01 học sinh đạt giải nhì môn Ngữ văn; có 01 học sinh đạt giải ba môn toán học sinh giỏi cấp tỉnh; 1 giải khuyến khích cuộc thi tiếng Anh trực tuyến (English and me); 1 giải khuyến khích khối 6 cuộc thi trên internet (IOE) cấp tỉnh; Trường đạt 1 giải ba cấp tỉnh cuộc thi “Việt Nam quê hương tôi”. Trường được UBND huyện khen thưởng tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và lao động tiên tiến năm học 2021-2022.

2. Những khó khăn, hạn chế

- Vì nhà trường bị thu hồi 2 biên chế (10% hàng năm) so với định mức nên số lượng giáo viên, nhân viên chưa đảm bảo, cơ cấu giáo viên còn thiếu bộ môn mỹ thuật.

- Thiếu phòng học bộ môn Nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ; còn thiếu một số thiết bị dạy học như đàn organ ở môn Nhạc, nệm nhảy cao ở môn Thể dục. Thiếu sân chơi bãi tập môn bóng đá, bóng chuyền.

- Tỉ lệ học sinh bỏ học hàng năm còn khá cao 10% . Một số học sinh lớp 9 sau khi tốt nghiệp không tham gia học tiếp THPT hoặc học nghề mà chủ yếu nghỉ học để đi làm thuê.

3. Nguyên nhân

a. Chủ quan

- Nhà trường chưa có giải pháp mang đột phá mang lại hiệu quả cao trong công tác vận động học sinh ra lớp.

- Một số giáo viên của trường chưa có kinh nghiệm dạy ở vùng khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số, việc đổi mới phương pháp dạy học đôi lúc còn chưa linh hoạt sáng tạo.

b. Khách quan

- Vì quy định về thu hồi biên chế 10% hàng năm nên giáo viên, nhân viên phải đảm nhận khối lượng công việc nhiều hơn. Từ đó ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường.

- Nhận thức của một bộ phận cha mẹ học sinh về việc học tập của học sinh còn hạn chế; đa phần các bậc phụ huynh học sinh thường khoán trắng việc học của học sinh là nhiệm vụ nhà trường, ít quan tâm; học sinh lười học chưa ý thức được vai trò của việc học đối với bản thân, không có động cơ học tập.

- Do cơ chế thị trường lao động hiện nay chưa cần trình độ tốt nghiệp THCS trở lên nên học sinh ở bất kỳ độ tuổi nào cũng có thể bỏ học đi làm thuê.

V. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

Giao đủ biên chế cán bộ, giáo viên, nhân viên theo định mức; không thu hồi biên chế 10% hàng năm.

2. Đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh

- Mở rộng quỹ đất ở phía sau.
- Xây phòng học bộ môn Nhạc, Mỹ thuật, ngoại ngữ.
- Sửa chữa cổng trường, tường rào ở phía tây; Sơn tường các phòng học.
- Cấp một số thiết bị dạy học như đàn organ ở môn Nhạc; nệm nhảy cao, cầu môn bóng đá ở môn Thể dục.

VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Nhiệm vụ

- Nâng cao chất lượng đội ngũ, đổi mới công tác quản lí. Thực hiện giữ vững đoàn kết nội bộ, thể hiện dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nghị quyết 29-NQ/TW của ban chấp hành trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Giáo dục học sinh thái độ tích cực, có hứng thú học tập. Tăng cường giáo dục hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm rèn cho học sinh một số kỹ năng sống, trường học an toàn. Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động ngoại khóa hàng tháng nhằm tạo sân chơi bổ ích cho học sinh tạo được niềm tin đối với phụ huynh.

- Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá kết quả của học sinh theo hướng mở. Ra đề kiểm tra định kỳ theo hướng dẫn và đúng quy định. Nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, chất lượng đại trà, chất lượng giáo viên giỏi, học sinh giỏi, học sinh thi vào lớp 10 THPT. Phát triển các phong trào tham gia các cuộc thi, hội thi.

- Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

- Tổ chức công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục, rà soát các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia.

- Quản lý tài chính, tài sản chặt chẽ, công khai minh bạch, đúng quy định.

- Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ.

- Làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền, Ban đại diện cha mẹ học sinh về công tác xã hội hóa giáo dục và phát động trong đội ngũ cán bộ giáo viên nhân vận động nguồn lực bên ngoài để hỗ trợ cho học sinh.

2. Các giải pháp

2.1. Xây dựng đội ngũ, đổi mới công tác quản lý

- Chú trọng phát triển đảng viên, nâng cao năng lực nhận thức và tính nêu gương; Nâng cao nhận thức, phẩm chất chính trị, đạo đức tư tưởng và ý thức nghề nghiệp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Kiện toàn các bộ máy, đoàn thể trong nhà trường từ đầu năm học. Phát huy vai trò của tổ trưởng tổ chuyên môn. Phát huy tối đa năng lực của đội ngũ qua việc phân công chuyên môn hợp lý; đảm bảo có giáo viên nòng cốt. Tiếp tục bồi dưỡng giáo viên trẻ, tạo điều kiện cho giáo viên đi học nâng chuẩn.

- Làm việc theo nguyên tắc công khai, dân chủ và tập trung, để trường học thực sự là khối đoàn kết thống nhất đồng bộ trong mọi hoạt động.

- Xây dựng kỉ cương, nề nếp làm việc của đơn vị dân chủ, khoa học và cụ thể, tổ chức hội họp đúng thời gian, nghiêm túc và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động phù hợp và khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí. Đổi mới công tác thi đua khen thưởng.

- Thực hiện tốt “Quy chế phối hợp hoạt động giữa Ban giám hiệu và Ban chấp hành công đoàn”; “Quy chế dân chủ trong trường học”, “quy chế chi tiêu nội bộ”, đảm bảo dân chủ công khai, minh bạch.

2.2. Công tác vận động học sinh ra lớp và duy trì sĩ số

- Tuyên truyền giáo dục cho học sinh và phụ huynh về sự cần thiết của vấn đề học tập trong thời công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Khơi dậy tinh thần học tập của các em qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt lớp, hướng nghiệp và các hoạt động tập thể sôi nổi để các em thấy rằng nhà trường là nơi thân thiện là sân chơi bổ ích cho các em, thu hút các em đến trường.

- Tham mưu đề xuất với Hội khuyến học xã tặng quà cho HS đạt thành tích cao trong các cuộc thi, hội thi. Chi hội khuyến học trường khen học sinh đạt thành tích trong các cuộc thi, hội thi.

Trên đây là báo cáo kết quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018 - 2022 của Trường THCS Hùng Vương./.

Nơi nhận:

- Đoàn giám sát;
- Phòng GD Thuận Bắc;
- Lưu: VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



Đạo Văn Dinh



Phụ lục 3: Số liệu về cơ sở vật chất các cấp học phổ thông

2. Trung học cơ sở

TT	Cơ sở vật chất	Đơn vị	Hiện trạng					Số phòng/nhà, hạng mục... cần bổ sung
			Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Nhờ, mượn, thuê	
			$a=b+d+g+i$	b	d	g	i	
1	Khối phòng học tập	phòng	13	13	0	0	0	5
	- Phòng học	phòng	11	11	0	0	0	0
	Chia ra: + Phòng học tại trường chính	phòng	11	11	0	0	0	0
	+ Phòng học tại điểm trường	phòng	0	0	0	0	0	0
	- Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	0	0	0	0	0	1
	- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng	0	0	0	0	0	1
	- Phòng học bộ môn Công nghệ	phòng	0	0	0	0	0	0
	- Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên	phòng	1	1	0	0	0	1
	- Phòng học bộ môn Tin học	phòng	1	1	0	0	0	0
	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	0	0	0	0	0	1
	- Phòng đa chức năng	phòng	0	0	0	0	0	1
2	Khối phòng hỗ trợ học tập							
	- Thư viện	phòng	1	1	0	0	0	0
	- Phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	1	0	0	0	1
	- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	phòng	0	0	0	0	0	1
	- Phòng truyền thống	phòng	0	0	0	0	0	1
	- Phòng Đoàn, Đội	phòng	1	1	0	0	0	0
3	Khối hành chính quản trị							
	- Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0
	- Phòng Phó Hiệu trưởng	phòng	1	1	0	0	0	0
	- Văn phòng	phòng	1	1	0	0	0	0
	- Phòng bảo vệ	phòng	0	0	0	0	0	0
	- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	2	2	0	0	0	0
	- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	khu	2	2	0	0	0	0
4	Khối phụ trợ							

	- Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường	phòng	1	1	0	0	0	0
	- Phòng các tổ chuyên môn	phòng	0	0	0	0	0	1
	- Phòng Y tế học đường	phòng	1	1	0	0	0	0
	- Nhà kho	nhà	0	0	0	0	0	0
	- Khu để xe học sinh	khu	1	1	0	0	0	0
	- Khu vệ sinh học sinh	khu	2	2	0	0	0	0
	- Cổng, hàng rào	hạng mục	1	1	0	0	0	0
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao							0
	- Sân chơi chung	sân	1	1	0	0	0	0
	- Sân thể dục thể thao	sân	0	0	0	0	0	1
6	Khối phục vụ sinh hoạt							
	- Nhà bếp	nhà	0	0	0	0	0	0
	- Kho bếp	kho	0	0	0	0	0	0
	- Nhà ăn	nhà	0	0	0	0	0	0
	- Nhà ở nội trú học sinh	nhà	0	0	0	0	0	0
	- Phòng quản lý học sinh	phòng	0	0	0	0	0	0
	- Phòng sinh hoạt chung	phòng	0	0	0	0	0	0
7	Hạng mục khác							
	- Phòng học bộ môn Khoa học xã hội	phòng	0	0	0	0	0	1
	- Phòng nghỉ giáo viên	phòng	2	2	0	0	0	0
	- Phòng giáo viên	phòng	0	0	0	0	0	1
	- Nhà đa năng	nhà	0	0	0	0	0	1
	- Nhà văn hóa	nhà	0	0	0	0	0	0



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN THUẬN BẮC
TRƯỜNG THCS HÙNG VƯƠNG

Phụ lục 4

Thiết bị dạy học cơ sở giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2018-2019 đến năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Năm học 2018-2019						Năm học 2019-2020						Năm học 2020-2021						Năm học 2021-2022									
		Tổng số	Tiểu học			THCS			Tổng số	Tiểu học			THCS			Tổng số	Tiểu học			THCS			Tổng số	Tiểu học			THCS		
			Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)	Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)		Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)	Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)		Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)	Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)		Số bộ hiện có	Số bộ cần bổ sung	Tỷ lệ đáp ứng (%)			
3	THCS Hùng Vương	4				4		100	4				4		100	4				4		100	4				4		100



Phụ lục 5
TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA

T T	MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC	NĂM 2021- SGK lớp 6									NĂM 2022- SGK lớp 7											
		Nhà xuất bản Giáo dục (bộ sách KNTT)		Nhà xuất bản giáo dục (bộ sách CTST)		Nhà xuất bản Đại học Sur phạm TPHCM (bộ sách Cánh Diều.)		NXB Sur phạm. TPHCM (bộ sách Tiếng Anh I- learn...)		NXB GDVN (bộ sách Tiếng Anh Global...)		Nhà xuất bản Giáo dục (bộ sách KNTT)		Nhà xuất bản giáo dục (bộ sách CTST)		Nhà xuất bản Đại học Sur phạm TPHCM (bộ sách Cánh Diều.)		Nhà xuất bản Sur phạm. TPHCM (bộ sách Tiếng Anh I- learn...)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Tiếng Anh Global...)		
		Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng SCG D chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	
II	Trung học cơ sở																					
1	Toán			1										1								
2	Ngữ Văn			1										1								
3	GDCD	1												1								
4	KHTN			1						1												
5	Lịch sử+ Địa lý			1											1							
6	Tin học	1								1												
7	Công Nghệ			1																		
8	Âm Nhạc	1								1												
9	Mỹ Thuật			1						1												
10	Giáo dục thể chất			1									1									

T T	MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC	NĂM 2021- SGK lớp 6										NĂM 2022- SGK lớp 7									
		Nhà xuất bản Giáo dục (bộ sách KNTT)		Nhà xuất bản Giáo dục (bộ sách CTST)		Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TPHCM (bộ sách Cánh Diều.)		NXB Sư phạm. TPHCM (bộ sách Tiếng Anh I-learn...)		NXB GDVN (bộ sách Tiếng Anh Global...)		Nhà xuất bản Giáo dục (bộ sách KNTT)		Nhà xuất bản Giáo dục (bộ sách CTST)		Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TPHCM (bộ sách Cánh Diều.)		Nhà xuất bản Sư phạm. TPHCM (bộ sách Tiếng Anh I-learn...)		Nhà xuất bản GDVN (bộ sách Tiếng Anh Global...)	
		Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng SCG D chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn	Số lượng cơ sở giáo dục chọn	Tỷ lệ % các cơ sở giáo dục chọn
11	HĐ TN-HN			1										1							
12	Tiếng Anh I-Learn Smart World							1										1			